

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN GAS ĐÔ THỊ
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2023 đến ngày 30 tháng 6 năm 2023

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	1 - 2
BÁO CÁO SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ	3 - 4
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ	5 - 6
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ	7
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ	8
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ	9 - 28

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư phát triển Gas Đô thị (gọi tắt là “Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2023 đến ngày 30 tháng 6 năm 2023.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc đã điều hành Công ty trong kỳ và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Bà Nguyễn Thanh Tú	Chủ tịch (Bổ nhiệm từ ngày 26 tháng 4 năm 2023)
Ông Cheung Yip Sang	Chủ tịch (Miễn nhiệm từ ngày 26 tháng 4 năm 2023)
Ông Giang Nhượng Trì	Thành viên
Ông Yang Xiao Dong	Thành viên (Bổ nhiệm từ ngày 26 tháng 4 năm 2023)
Ông Huang Hong Jian	Thành viên (Bổ nhiệm từ ngày 26 tháng 4 năm 2023)
Bà Phạm Quế Linh	Thành viên (Bổ nhiệm từ ngày 26 tháng 4 năm 2023)
Ông Youn Kwon Seok	Thành viên (Miễn nhiệm từ ngày 26 tháng 4 năm 2023)
Ông Zhu Zhilin	Thành viên (Miễn nhiệm từ ngày 26 tháng 4 năm 2023)

Ban Giám đốc

Ông Huang Hong Jian	Giám đốc (Bổ nhiệm từ ngày 26 tháng 4 năm 2023)
Ông Zhu Zhilin	Giám đốc (Miễn nhiệm từ ngày 26 tháng 4 năm 2023)
Ông Lyu Zhiming	Phó Giám đốc (Bổ nhiệm từ ngày 06 tháng 6 năm 2023)
Ông Wu Zhijun	Phó Giám đốc (Miễn nhiệm từ ngày 20 tháng 7 năm 2023)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2023, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2023 đến ngày 30 tháng 6 năm 2023, phù hợp với Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ. Trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ hay không;
- Lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận;

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ tuân thủ Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

Ban Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Theo ý kiến của Ban Giám đốc, báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Công ty tại thời điểm ngày 30 tháng 6 năm 2023 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2023 đến ngày 30 tháng 6 năm 2023, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,



Huang Hong Jian

Giám đốc

Hà Nội, ngày 29 tháng 8 năm 2023

Số: 302 /VACO/BCSX.NV2

**BÁO CÁO SOÁT XÉT
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ****Kính gửi: Các Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Đầu tư phát triển Gas Đô thị**

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Đầu tư phát triển Gas Đô thị (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 29 tháng 8 năm 2023, từ trang 05 đến trang 28, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ tại ngày 30 tháng 6 năm 2023, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2023 đến ngày 30 tháng 6 năm 2023 và bản Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (dưới đây gọi chung là "báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ").

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ theo Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do Kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Cơ sở đưa ra kết luận ngoại trừ

- Như trình bày tại Thuyết minh số 8 và số 9 phần Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ, Công ty có khoản cho vay và lãi dự thu với Công ty TNHH Đầu tư Việt Tú (Cổ đông cũ của Công ty) với số tiền lần lượt là khoảng 24,3 tỷ VND và 1,46 tỷ VND. Khoản cho vay này không có tài sản đảm bảo và đã quá hạn thanh toán từ ngày 01 tháng 7 năm 2022. Chúng tôi không thu thập được đầy đủ bằng chứng kiểm toán cần thiết để đánh giá khả năng thu hồi của khoản cho vay và lãi dự thu này, theo đó chúng tôi không thể xác định được dự phòng phải thu khó đòi cần trích lập với số tiền là bao nhiêu cũng như ảnh hưởng của vấn đề này đến các khoản mục có liên quan trên báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty.
- Tại ngày 30 tháng 6 năm 2023, Công ty có một số mã Hàng hoá bất động sản ít biến động phát sinh từ trước ngày 01 tháng 01 năm 2022 với số tiền khoảng 1,1 tỷ VND; đồng thời một số công trình do Công ty thi công hoặc đóng vai trò là chủ đầu tư cũng phát sinh từ lâu với số tiền lần lượt là khoảng 1,7 tỷ VND và 1,8 tỷ VND. Chúng tôi chưa thu thập được các bằng chứng kiểm toán liên quan đến đánh giá của Công ty về khả năng thu hồi của các khoản mục hàng tồn kho và xây dựng cơ bản tồn đọng này. Chúng tôi cũng không thể thực hiện các thủ tục thay thế cần thiết để thực hiện công việc này. Theo đó, chúng tôi không thể xác định được ảnh hưởng của vấn đề này đến các khoản mục có liên quan trên báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty.
- Tại ngày 30 tháng 6 năm 2023, Công ty có một số khoản công nợ phải thu khách hàng và trả trước người bán tồn đọng lâu ngày. Nếu Công ty trích lập đầy đủ dự phòng phải thu khó đòi theo các quy định hiện hành thì trên Bảng Cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ khoản mục Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi sẽ tăng lên, đồng thời trên Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất giữa niên độ khoản mục Chi phí quản lý doanh nghiệp sẽ tăng và Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ giảm với số tiền khoảng 1,66 tỷ VND.

**BÁO CÁO SOÁT XÉT
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của các vấn đề đã nêu tại đoạn “Cơ sở đưa ra kết luận ngoại trừ”, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2023 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2023 đến ngày 30 tháng 6 năm 2023, phù hợp với Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Vấn đề khác

Như trình bày tại Thuyết minh số 36 phần Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ, số liệu so sánh của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ là số liệu báo cáo tài chính hợp nhất được soát xét hoặc kiểm toán bởi một công ty kiểm toán độc lập khác, với báo cáo kiểm toán đề ngày 28 tháng 3 năm 2023 đưa ra ý kiến ngoại trừ và báo cáo soát xét đề ngày 15 tháng 8 năm 2022 đưa ra kết luận chấp nhận toàn phần. Một số số liệu đã được trình bày lại cho phù hợp với số liệu kỳ này.



The image shows a red circular stamp of the audit firm VACO. The stamp contains the text: "M.S.D.N: 0102546856-C.T.T.N.H.H.", "CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VACO", and "THÀNH PHỐ HÀ NỘI". A blue ink signature is written over the stamp.

Chữ Mạnh Hoan
Phó Tổng Giám đốc
Số Giấy CN ĐKHN Kiểm toán: 1403-2023-156-1
Thay mặt và đại diện cho
CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VACO
Hà Nội, ngày 29 tháng 8 năm 2023

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2023

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ (Trình bày lại)
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		163.102.411.537	175.081.447.702
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	19.063.526.052	11.101.551.072
1. Tiền	111		16.983.526.052	5.421.551.072
2. Các khoản tương đương tiền	112		2.080.000.000	5.680.000.000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		35.144.177.151	31.787.875.824
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	5	35.144.177.151	31.787.875.824
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		70.703.810.145	85.248.906.737
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	44.891.287.223	66.627.685.965
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	7	6.986.988.969	6.661.057.403
3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	8	32.372.429.335	28.372.429.335
4. Phải thu ngắn hạn khác	136	9	10.712.240.136	8.128.108.322
5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	11	(24.259.135.518)	(24.540.374.288)
IV. Hàng tồn kho	140	10	18.828.229.817	13.575.012.898
1. Hàng tồn kho	141		19.484.707.584	14.231.490.665
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(656.477.767)	(656.477.767)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		19.362.668.372	33.368.101.171
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	12	232.447.430	183.540.487
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		19.130.220.942	33.184.560.684
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		71.232.675.156	73.338.135.137
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		58.400.000	65.795.872
1. Phải thu dài hạn khác	216	9	58.400.000	65.795.872
II. Tài sản cố định	220		14.258.119.919	15.484.220.585
1. Tài sản cố định hữu hình	221	14	13.523.568.007	14.737.461.169
- Nguyên giá	222		31.427.568.919	31.427.568.919
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(17.904.000.912)	(16.690.107.750)
2. Tài sản cố định vô hình	227	13	734.551.912	746.759.416
- Nguyên giá	228		1.408.758.913	1.408.758.913
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(674.207.001)	(661.999.497)
III. Tài sản dở dang dài hạn	240		1.851.901.617	1.967.756.721
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	15	1.851.901.617	1.967.756.721
IV. Tài sản dài hạn khác	260		55.064.253.620	55.820.361.959
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	12	55.033.636.074	55.789.744.413
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		30.617.546	30.617.546
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		234.335.086.693	248.419.582.839

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2023

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ (Trình bày lại)
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		69.564.952.528	82.898.561.286
I. Nợ ngắn hạn	310		68.891.003.626	82.277.012.384
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	16	38.852.662.109	55.220.786.555
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	17	2.199.499.010	2.012.242.419
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	18	49.529.011	91.059.851
4. Phải trả người lao động	314		469.059.597	508.525.864
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	19	7.474.015.123	4.821.728.315
6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	20	163.711.618	192.464.119
7. Phải trả ngắn hạn khác	319	21	2.328.658.764	2.090.936.867
8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	22	17.337.500.000	17.322.900.000
9. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		16.368.394	16.368.394
II. Nợ dài hạn	330		673.948.902	621.548.902
1. Phải trả dài hạn khác	337	21	616.382.963	563.982.963
2. Dự phòng phải trả dài hạn	342		57.565.939	57.565.939
D - VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		164.770.134.165	165.521.021.553
I. Vốn chủ sở hữu	410	23	164.770.134.165	165.521.021.553
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		188.700.000.000	188.700.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		188.700.000.000	188.700.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		15.480.000.000	15.480.000.000
3. Quỹ đầu tư phát triển	418		2.596.615.372	2.596.615.372
4. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		337.031.314	337.031.314
5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		(42.343.512.521)	(41.592.625.133)
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		(41.592.625.133)	(40.668.546.158)
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		(750.887.388)	(924.078.975)
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		234.335.086.693	248.419.582.839



Huang Hong Jian
Giám đốc

Hà Nội, ngày 29 tháng 8 năm 2023

Nguyễn Trúc Lâm
Kế toán trưởng

Văn Thị Tú Trâm
Người lập biểu

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2023 đến ngày 30 tháng 6 năm 2023

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Kỳ này	Kỳ trước (Trình bày lại)
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		143.284.578.654	215.869.722.735
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		7.864.478	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10	26	143.276.714.176	215.869.722.735
4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	27	131.877.096.540	205.685.026.927
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		11.399.617.636	10.184.695.808
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	28	1.542.095.104	1.706.575.525
7. Chi phí tài chính	22	29	666.730.223	1.051.052.497
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		621.599.250	612.831.429
8. Chi phí bán hàng	25	30	5.655.508.419	6.239.049.414
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	30	6.773.567.619	7.026.259.083
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26)}	30		(154.093.521)	(2.425.089.661)
11. Thu nhập khác	31	32	225.512	96.851.462
12. Chi phí khác	32	33	543.019.379	585.052.741
13. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		(542.793.867)	(488.201.279)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		(696.887.388)	(2.913.290.940)
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51		-	-
16. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51)	60		(696.887.388)	(2.913.290.940)
17. Lợi nhuận sau thuế của Công ty mẹ	61		(696.887.388)	(2.913.290.940)
18. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		-	-
19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	34	(39,79)	(159,16)



Huang Hong Jian
Giám đốc

Hà Nội, ngày 29 tháng 8 năm 2023

Nguyễn Trúc Lâm
Kế toán trưởng

Văn Thị Tú Trâm
Người lập biểu

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ
(Theo phương pháp trực tiếp)
Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2023 đến ngày 30 tháng 6 năm 2023

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Kỳ này	Kỳ trước (Trình bày lại)
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01	167.955.102.507	235.575.571.325
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02	(169.557.012.792)	(234.110.776.270)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03	(3.385.173.029)	(4.552.535.078)
4. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	23.454.482.584	449.883.266
5. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07	(4.654.430.917)	(2.116.056.678)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	13.812.968.353	(4.753.913.435)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TSDH khác	22	2.353.952	-
2. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(18.200.000.000)	(15.756.301.370)
3. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	10.945.816.781	14.000.000.000
4. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	1.405.110.894	861.784.330
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(5.846.718.373)	(894.517.040)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(4.275.000)	(1.225.500)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(4.275.000)	(1.225.500)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20 + 30 + 40)	50	7.961.974.980	(5.649.655.975)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	11.101.551.072	27.021.639.204
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-	446.895
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50 + 60 + 61)	70	19.063.526.052	21.372.430.124



Huang Hong Jian
Giám đốc

Hà Nội, ngày 29 tháng 8 năm 2023

Nguyễn Trúc Lâm
Kế toán trưởng

Văn Thị Tú Trâm
Người lập biểu

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Đầu tư phát triển Gas Đô thị (gọi tắt là “Công ty”) được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần số 0103019021 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 10 tháng 8 năm 2007; Đăng ký thay đổi lần thứ 20 ngày 02 tháng 8 năm 2023 với mã số doanh nghiệp là 0102349865.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp là 188.700.000.000 VND tương ứng với 18.870.000 cổ phần, mệnh giá cổ phần là 10.000 VND/cổ phần.

Cổ phiếu của Công ty hiện đang được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán thành phố Hà Nội với mã cổ phiếu là PCG.

Trụ sở chính của Công ty tại: Tầng 4 số 167 Trung Kính, phường Yên Hòa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội.

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Ngành nghề kinh doanh của Công ty là:

- Tư vấn, thiết kế, đầu tư, chuyên giao công nghệ, bảo dưỡng, sửa chữa, lắp đặt máy, thiết bị và các dịch vụ khác phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh gas;
- Tư vấn, lập dự án đầu tư, lắp đặt và vận hành hệ thống, thiết bị công nghệ phục vụ cung cấp, sản xuất khí dầu mỏ hóa lỏng (LPG), khí thiên nhiên hóa lỏng (LNG), khí thiên nhiên nén (CNG), khí thiên nhiên tổng hợp (SNG), khí Dimethy ether (DME);
- Kinh doanh và vận chuyển qua mạng đường ống, xe bồn chuyên dụng, tàu hỏa chuyên dụng các loại khí dầu mỏ hóa lỏng (LPG), khí thiên nhiên hóa lỏng (LNG), khí thiên nhiên nén (CNG), khí thiên nhiên tổng hợp (SNG), khí Dimethy ether (DME); vận chuyển bình khí bằng xe tải;
- Kinh doanh vật tư, thiết bị, hóa chất, phụ kiện ngành khí; kinh doanh máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khai khoáng, máy xây dựng; kinh doanh nguyên vật liệu, thiết bị lắp đặt trong xây dựng;
- Xây dựng kho bãi, trạm chiết nạp phục vụ cho hoạt động kinh doanh khí dầu mỏ hóa lỏng (LPG), khí thiên nhiên hóa lỏng (LNG), khí thiên nhiên nén (CNG), khí thiên nhiên tổng hợp (SNG), khí Dimethy ether (DME);
- Xây dựng các công trình dân dụng, công nghiệp; chuyên giao công nghệ, bảo dưỡng, sửa chữa, lắp đặt máy móc, thiết bị phục vụ cho sản xuất kinh doanh khí dầu mỏ hóa lỏng (LPG), khí thiên nhiên hóa lỏng (LNG), khí thiên nhiên nén (CNG), khí thiên nhiên tổng hợp (SNG), khí Dimethy ether (DME);
- Kinh doanh thiết bị chuyển đổi từ nhiên liệu xăng, diesel sang LPG, CNG, LNG;
- Thi công, lắp đặt, đầu tư và vận hành hệ thống thiết bị cung cấp LPG cho khu đô thị, khu công nghiệp;
- Thiết kế, lắp đặt thiết bị, công nghệ hệ thống thi công khí gas công trình xây dựng.

Hoạt động chính của Công ty là:

Sản xuất và kinh doanh gas dân dụng và công nghiệp.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

Đặc điểm hoạt động của Công ty trong kỳ hoạt động có ảnh hưởng đến báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

Không có hoạt động đặc biệt nào của Công ty trong kỳ hoạt động có ảnh hưởng đến báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT (TIẾP THEO)

Cấu trúc doanh nghiệp

Công ty có một Chi nhánh tại thành phố Hồ Chí Minh được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh số 4113029854 đăng ký lần đầu ngày 12 tháng 10 năm 2007, thay đổi lần thứ 15 ngày 20 tháng 6 năm 2023.

Công ty có một văn phòng đại diện tại thành phố Đà Nẵng để thực hiện hoạt động bán hàng.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2023, Công ty có 4 công ty con được hợp nhất báo cáo tài chính bao gồm:

Tên Công ty	Nơi thành lập	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ biểu quyết	Hoạt động chính
Công ty TNHH VN Gas - Đắk Lắk	Đắk Lắk	100%	100%	Kinh doanh gas dân dụng và công nghiệp
Công ty TNHH Thương mại Thiết bị Năng lượng Việt Nam	Hà Nội	100%	100%	Kinh doanh vật tư, thiết bị
Công ty TNHH Xây dựng và Kỹ thuật PCG Việt Nam	Hà Nội	100%	100%	Xây dựng
Công ty TNHH VN PCG Phú Vinh	Hà Tĩnh	100%	100%	Kinh doanh gas dân dụng và công nghiệp

Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên báo cáo tài chính

Các số liệu báo cáo tài chính của kỳ trước đảm bảo khả năng so sánh được với số liệu của kỳ này.

2. KỶ KẾ TOÁN, CHUẨN MỰC KẾ TOÁN VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Kỷ kế toán

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này được lập cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2023 đến ngày 30 tháng 6 năm 2023.

Chế độ Kế toán áp dụng

Công ty áp dụng các Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và các thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực Kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực Kế toán và Chế độ Kế toán

Ban Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và các nội dung sửa đổi theo Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 3 năm 2016 và Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực Kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Cơ sở lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ tuân thủ theo Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt giai đoạn hoạt động. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính giữa niên độ

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ bao gồm báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty và báo cáo tài chính giữa niên độ của các công ty do Công ty kiểm soát (các công ty con). Việc kiểm soát này đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Trong trường hợp cần thiết, báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty và các công ty con là giống nhau.

Các nghiệp vụ và số dư giữa các công ty con và giữa các công ty con với Công ty đã được loại bỏ khi hợp nhất báo cáo tài chính.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát: Bốn công ty con của Công ty đều do Công ty nắm giữ 100% vốn điều lệ nên không có lợi ích của cổ đông không kiểm soát.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ trên cơ sở dự thu.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Các khoản đầu tư tài chính (Tiếp theo)

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (Tiếp theo)

Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

Các khoản cho vay

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi các khoản cho vay của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

Nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Hàng tồn kho

Công ty hạch toán hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá xuất của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Đối với tài sản cố định hình thành do đầu tư xây dựng cơ bản theo phương thức giao thầu hoặc tự xây dựng và sản xuất, nguyên giá là giá quyết toán công trình xây dựng theo quy chế quản lý đầu tư và xây dựng hiện hành, các chi phí khác có liên quan trực tiếp và lệ phí trước bạ (nếu có). Trường hợp dự án đã hoàn thành và đưa vào sử dụng nhưng quyết toán chưa được phê duyệt, nguyên giá tài sản cố định được ghi nhận theo giá tạm tính trên cơ sở chi phí thực tế đã bỏ ra để có được tài sản cố định. Nguyên giá tạm tính sẽ được điều chỉnh theo giá quyết toán được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

	Thời gian khấu hao (Năm)
Máy móc, thiết bị	03 - 06
Phương tiện vận tải	08
Thiết bị văn phòng	05
Tài sản cố định khác	03 - 20

Các khoản lãi, lỗ phát sinh khi thanh lý, bán tài sản là chênh lệch giữa thu nhập từ thanh lý và giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)**Tài sản cố định vô hình và khấu hao**

Tài sản cố định vô hình bao gồm quyền sử dụng đất, thương hiệu và phần mềm máy tính, được ghi nhận ban đầu theo giá mua và được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao quyền sử dụng đất của Công ty là 37 năm, thương hiệu và phần mềm máy tính có thời gian khấu hao từ 03 năm đến 05 năm.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí cần thiết để hình thành tài sản phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước bao gồm tiền thuê văn phòng, tiền thuê quyền sử dụng đất và nhận chuyển nhượng cơ sở hạ tầng trên đất trong Khu công nghiệp Phú Vinh, giá trị công cụ dụng cụ xuất dùng và các khoản chi phí trả trước khác phục vụ cho hoạt động kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Trong đó:

- Tiền thuê văn phòng trả trước tại địa điểm tầng 4, tòa nhà Viện Dầu khí Việt Nam, số 167 đường Trung Kính, phường Yên Hòa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 50 năm từ ngày 10 tháng 8 năm 2010.
- Tiền thuê quyền sử dụng đất và nhận chuyển nhượng cơ sở hạ tầng trên đất trong Khu công nghiệp Phú Vinh với thời hạn thuê đến ngày 01 tháng 10 năm 2060. Trong kỳ Công ty chưa phân bổ giá trị khoản tiền thuê đất này do chưa có đủ hồ sơ để làm căn cứ xác định thời gian phân bổ.
- Giá trị công cụ, dụng cụ đã xuất dùng được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ, sử dụng phương pháp đường thẳng trong thời gian tối đa 03 năm.

Nợ phải trả và chi phí phải trả

Nợ phải trả là số tiền có thể phải trả nhà cung cấp hoặc các đối tượng khác. Nợ phải trả được trình bày theo giá trị ghi sổ.

Các khoản nợ phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, bao gồm: Lãi tiền vay, chi phí phải trả khác..., trong đó chi phí lãi vay được ước tính dựa trên số tiền vay, thời hạn và lãi suất áp dụng.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)**Nguồn vốn chủ sở hữu**

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung, và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán giữa niên độ của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán giữa niên độ; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu từ hợp đồng xây dựng của Công ty được ghi nhận theo chính sách kế toán của Công ty về hợp đồng.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

Hợp đồng xây dựng

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng có thể được ước tính một cách đáng tin cậy, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc kỳ kế toán được các bên xác nhận nghiệm thu. Các khoản chi phí hợp đồng xây dựng có thể bao gồm các chi phí phụ thêm, các khoản bồi thường và chi thường thực hiện hợp đồng theo thỏa thuận với khách hàng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể được ước tính một cách đáng tin cậy, doanh thu chỉ được ghi nhận trong đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc được hoàn trả là tương đối chắc chắn.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo***3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)****Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận trước thuế được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các kỳ khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuận.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Danh sách bên liên quan của Công ty:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Ông Zhu Zhilin	Cổ đông lớn
Bà Nguyễn Thanh Tú	Cổ đông lớn
Thành viên HĐQT và Ban Giám đốc, Ban Kiểm soát, Kế toán trưởng	Lãnh đạo chủ chốt

Báo cáo bộ phận

Bộ phận là thành phần có thể phân biệt được của Công ty tham gia vào việc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ có liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh), hoặc vào việc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý) mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác. Ban Giám đốc cho rằng Công ty chỉ có một bộ phận kinh doanh là sản xuất, kinh doanh gas dân dụng, gas công nghiệp và một bộ phận địa lý là Việt Nam nên Công ty không lập Báo cáo bộ phận.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
	VND	VND
Tiền mặt	412.641.790	145.974.161
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	16.570.884.262	5.275.576.911
Các khoản tương đương tiền (i)	2.080.000.000	5.680.000.000
Cộng	19.063.526.052	11.101.551.072

Ghi chú:

- (i) Là các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn dưới 03 tháng, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

5. ĐẦU TƯ NĂM GIỮ ĐẾN NGÀY ĐÁO HẠN NGẮN HẠN

	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
	VND	VND
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	-	55.816.781
Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội	35.144.177.151	31.732.059.043
Cộng	35.144.177.151	31.787.875.824

Các khoản đầu tư năm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn trên 03 tháng đến 12 tháng tại Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội. Tại ngày 30 tháng 6 năm 2023, các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn với số tiền 6.108.021.918 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 là 15.055.816.781 VND) đã được Công ty dùng để đảm bảo cho các chứng thư bảo lãnh của ngân hàng.

6. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
	VND	VND
Công ty TNHH Best Pacific Việt Nam	9.785.868.183	14.452.789.725
Công ty Cổ phần Gạch Granit Nam Định	3.365.539.974	3.685.539.974
Công ty Cổ phần Đúc chính xác CQS MAY'S	2.978.901.750	11.749.999.734
Công ty Cổ phần Sông Đà Thăng Long	4.006.942.801	4.006.942.801
Các đối tượng khác	24.754.034.515	32.732.413.731
Cộng	44.891.287.223	66.627.685.965

7. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
	VND	VND
Công ty Cổ phần Sông Đà Thăng Long (i)	5.577.000.000	5.577.000.000
Công ty Luật TNHH Chấn Phong	500.000.000	-
Các đối tượng khác	909.988.969	1.084.057.403
Cộng	6.986.988.969	6.661.057.403

Ghi chú:

- (i) Khoản ứng trước theo Hợp đồng số 2533/2017/HĐMB-UVK và 2534/2017/HĐMB-UVK ngày 05 tháng 01 năm 2017 để mua 02 căn hộ tòa nhà CT4-108 thuộc Dự án USILK City do Công ty Cổ phần Sông Đà Thăng Long làm chủ đầu tư cho mục đích đầu tư để bán. Theo Hợp đồng trên, các căn hộ này sẽ được bàn giao chậm nhất vào ngày 31 tháng 12 năm 2018, tuy nhiên đến ngày 30 tháng 6 năm 2023, các căn hộ này vẫn chưa được bàn giao. Ban Giám đốc Công ty đã thực hiện trích lập dự phòng khoản trả trước cho người bán này theo Thuyết minh số 11.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo

8. PHẢI THU VỀ CHO VAY NGẮN HẠN

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu kỳ</u>
	VND	VND
Công ty TNHH Đầu tư Việt Tú (i)	24.372.429.335	24.372.429.335
Công ty TNHH Đầu tư và Quản lý Hoàng Phúc (ii)	4.000.000.000	4.000.000.000
Công ty TNHH Chuyển phát nhanh & Dịch vụ KCO Việt Nam (iii)	3.000.000.000	-
Công ty TNHH Thương mại Vận tải Song Khê (iv)	1.000.000.000	-
Cộng	<u>32.372.429.335</u>	<u>28.372.429.335</u>

Ghi chú:

- (i) Khoản phải thu cho vay Công ty TNHH Đầu tư Việt Tú (Cổ đông cũ của Công ty) theo Hợp đồng cho vay số 12/HĐKĐT ngày 09 tháng 5 năm 2018 và Phụ lục bổ sung số 04 ngày 01 tháng 7 năm 2021 tiếp tục khoản cho vay với thời hạn 12 tháng kể từ ngày ký Phụ lục hợp đồng, lãi suất cho vay 6%/năm. Khoản cho vay này đã quá hạn thanh toán từ ngày 01 tháng 7 năm 2022. Công ty đã gửi hồ sơ khởi kiện Công ty TNHH Đầu tư Việt Tú lên Tòa án nhân dân quận Cầu Giấy. Ngày 29/9/2022, Tòa án đã ban hành Quyết định số 07/2022/QĐ-BPKCTT áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời phong tỏa 2.800.000 cổ phần Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Gas Đô thị trong tài khoản chứng khoán của Công ty TNHH Đầu tư Việt Tú tại Công ty Cổ phần Chứng khoán SSL. Ngày 01 tháng 6 năm 2023, Tòa án ban hành Quyết định số 08/2023/QĐST-KDTM đình chỉ giải quyết vụ án, hủy bỏ biện pháp khẩn cấp tạm thời và bỏ phong tỏa 2.800.000 cổ phần. Ngày 28 tháng 6 năm 2023, Công ty TNHH Đầu tư Việt Tú đã bán toàn bộ 2.800.000 cổ phần cho bà Nguyễn Thanh Tú (Chủ tịch Hội đồng Quản trị) và không còn nắm giữ cổ phần tại Công ty. Ban Giám đốc đánh giá khoản cho vay này vẫn có khả năng thu hồi nên không thực hiện trích lập dự phòng phải thu khó đòi.
- (ii) Khoản cho vay Công ty TNHH Đầu tư và Quản lý Hoàng Phúc không có tài sản đảm bảo theo Hợp đồng cho vay số 18/HĐKT ngày 06 tháng 12 năm 2022 với kỳ hạn 1 năm và không tính lãi.
- (iii) Khoản cho vay Công ty TNHH Chuyển phát nhanh & Dịch vụ KCO Việt Nam không có tài sản đảm bảo theo Hợp đồng cho vay số 05/HĐKT ngày 10 tháng 01 năm 2023, thời gian cho vay 12 tháng, lãi suất cho vay 5%/năm.
- (iv) Khoản cho vay Công ty TNHH Thương mại Vận tải Song Khê không có tài sản đảm bảo theo Hợp đồng cho vay số 150523/HĐKT ngày 17 tháng 5 năm 2023 có hạn mức là 1.500.000.000 VND, số tiền vay được giải ngân theo nhu cầu vay từng lần trong năm, thời gian cho vay 1 năm, từ ngày 17 tháng 5 năm 2023, lãi suất cho vay 5%/năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo

9. PHẢI THU KHÁC

	Số cuối kỳ		Số đầu kỳ	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
a) Phải thu khác ngắn hạn	4.092.384.529	-	2.888.943.413	-
Tạm ứng	2.781.459.818	-	1.674.186.061	-
Ký cược, ký quỹ	155.837.257	-	92.000.000	-
Lãi dự thu	991.028.536	-	955.952.624	-
Các khoản phải thu khác	164.058.918	-	166.804.728	-
b) Phải thu khác ngắn hạn là bên liên quan	6.619.855.607	-	5.239.164.909	-
Tạm ứng	5.157.509.847	-	3.776.819.149	-
- Ông Zhu Zhilin	5.157.509.847	-	3.776.819.149	-
Lãi dự thu	1.462.345.760	-	1.462.345.760	-
- Công ty TNHH Đầu tư Việt Tú	1.462.345.760	-	1.462.345.760	-
b) Phải thu khác dài hạn	58.400.000	-	65.795.872	-
Ký cược, ký quỹ	58.400.000	-	65.795.872	-
Cộng	10.770.640.136	-	8.193.904.194	-

10. HÀNG TỒN KHO

	Số cuối kỳ		Số đầu kỳ	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	8.672.751.234	(536.294.756)	8.621.434.730	(536.294.756)
Công cụ, dụng cụ	15.255.725	-	15.255.725	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	5.229.353.556	(120.183.011)	1.891.020.016	(120.183.011)
Hàng hoá	3.414.799.880	-	3.223.855.918	-
Hàng gửi đi bán	2.152.547.189	-	479.924.276	-
Cộng	19.484.707.584	(656.477.767)	14.231.490.665	(656.477.767)

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN GAS ĐỒ THỊ
Tầng 4, số 167 Trung Kính, Phường Yên Hoà,
Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội

MẪU SỐ B 09a - DN/HN
Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo

11. DỰ PHÒNG PHẢI THU NGẮN HẠN KHÓ ĐÒI

	Số cuối kỳ		Số đầu kỳ	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Dự phòng	Giá gốc
	VND	VND	VND	VND
Công ty Cổ phần Sóng Đà Thăng Long	9.583.942.801	-	(9.583.942.801)	9.583.942.801
Công ty TNHH MTV Dầu khí Việt Hải	2.973.279.100	-	(2.973.279.100)	2.973.279.100
Công ty Cổ phần Khí hóa lỏng Bắc Giang	2.625.291.171	-	(2.625.291.171)	2.625.291.171
Công ty Cổ phần Khí hóa lỏng Đông Đô	2.905.659.887	-	(2.905.659.887)	2.905.659.887
Công ty Cổ phần Gạch Granit Nam Định	3.535.539.974	1.852.769.987	(1.682.769.987)	3.685.539.974
Công ty TNHH Đầu tư đa ngành Thành Lợi	2.054.625.909	1.027.312.954	(1.027.312.955)	2.054.625.909
Các đối tượng khác	3.851.891.719	391.012.102	(3.460.879.617)	4.057.870.453
Cộng	27.530.230.561	3.271.095.043	(24.259.135.518)	27.886.209.295
				3.345.835.007
				(24.540.374.288)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo

12. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
	VND	VND
a) Ngắn hạn	232.447.430	183.540.487
Chi phí bảo hiểm	31.415.011	63.397.087
Chi phí thuê văn phòng, nhà kho	137.696.011	66.340.179
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	63.336.408	53.803.221
b) Dài hạn	55.033.636.074	55.789.744.413
Tiền thuê đất và cơ sở hạ tầng gắn liền với đất (i)	31.782.519.348	32.209.130.346
Tiền thuê văn phòng (ii)	22.746.475.550	23.052.948.236
Chi phí trả trước dài hạn khác	504.641.176	527.665.831
Cộng	55.266.083.504	55.973.284.900

Ghi chú:

- (i) Khoản tiền thuê lại quyền sử dụng đất và nhận chuyển nhượng cơ sở hạ tầng gắn liền trên đất tại Khu công nghiệp Phú Vinh thuộc Khu Kinh tế Vũng Áng, tỉnh Hà Tĩnh theo Hợp đồng số 01/2019/HĐTD/PV ngày 07 tháng 01 năm 2019 và các Phụ lục kèm theo. Thời hạn thuê đất đến ngày 01/10/2060 với mục đích đầu tư hệ thống cung cấp khí trung tâm và vận hành kinh doanh theo Văn bản phê duyệt dự án số 6167333488 ngày 27 tháng 6 năm 2019 của Ban quản lý Kinh tế tỉnh Hà Tĩnh, Giấy chứng nhận đầu tư và Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp được Cơ quan có thẩm quyền cấp.
- (ii) Khoản tiền thuê văn phòng tầng 4 tại tòa nhà Viện Dầu khí Việt Nam theo Hợp đồng thuê văn phòng số 2909/2010/HĐ-VQKVN ngày 21 tháng 12 năm 2010 và các Phụ lục kèm theo với thời hạn thuê 50 năm đến ngày 10 tháng 8 năm 2060.

13. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Quyền sử dụng đất	Thương hiệu	Phần mềm máy tính	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ				
Số dư đầu kỳ	907.278.913	70.000.000	431.480.000	1.408.758.913
Số dư cuối kỳ	907.278.913	70.000.000	431.480.000	1.408.758.913
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ				
Số dư đầu kỳ	160.519.497	70.000.000	431.480.000	661.999.497
Khấu hao trong kỳ	12.207.504	-	-	12.207.504
Số dư cuối kỳ	172.727.001	70.000.000	431.480.000	674.207.001
GIÁ TRỊ CÒN LẠI				
Số dư đầu kỳ	746.759.416	-	-	746.759.416
Số dư cuối kỳ	734.551.912	-	-	734.551.912

Nguyên giá của tài sản cố định vô hình đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 30 tháng 6 năm 2023 với giá trị là 501.480.000 VND (tại ngày 01 tháng 01 năm 2023 là 501.480.000 VND).

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN GAS ĐÔ THỊ
Tầng 4, số 167 Trung Kính, Phường Yên Hoà,
Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội

MẪU SỐ B 09a - DN/HN
Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo.

14. TẶNG, GIẢM TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị văn phòng	Tài sản cố định khác	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ						
Số dư đầu kỳ	1.995.855.329	2.191.867.863	2.346.230.910	56.450.000	24.837.164.817	31.427.568.919
Số dư cuối kỳ	1.995.855.329	2.191.867.863	2.346.230.910	56.450.000	24.837.164.817	31.427.568.919
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ						
Số dư đầu kỳ	336.571.221	1.161.651.597	1.488.052.916	56.450.000	13.647.382.016	16.690.107.750
Khấu hao trong kỳ	19.247.544	85.911.138	159.655.536	-	949.078.944	1.213.893.162
Số dư cuối kỳ	355.818.765	1.247.562.735	1.647.708.452	56.450.000	14.596.460.960	17.904.000.912
GIÁ TRỊ CÒN LẠI						
Số dư đầu kỳ	1.659.284.108	1.030.216.266	858.177.994	-	11.189.782.801	14.737.461.169
Số dư cuối kỳ	1.640.036.564	944.305.128	698.522.458	-	10.240.703.857	13.523.568.007

Nguyên giá của tài sản cố định hữu hình đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng đến thời điểm tại ngày 30 tháng 6 năm 2023 với giá trị là 3.663.666.132 VND (tại ngày 01 tháng 01 năm 2023 là 3.663.666.132 VND).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo

15. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DƯ DANG

	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
	VND	VND
Trạm LDR Long AN	1.851.901.617	1.851.901.617
Trạm Vĩnh Diêm Trung - Nha Trang	-	115.855.104
Cộng	1.851.901.617	1.967.756.721

16. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	Số cuối kỳ		Số đầu kỳ	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
Công ty TNHH Dầu khí Đài Hải	18.959.986.588	18.959.986.588	23.675.085.996	23.675.085.996
Công ty TNHH Khí Hóa Lông Thăng Long	3.235.065.256	3.235.065.256	4.075.488.000	4.075.488.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Hạ tầng Phú Vinh	3.824.700.000	3.824.700.000	3.824.700.000	3.824.700.000
Công ty Cổ phần Kinh doanh LPG Việt Nam - CN Miền Trung	3.742.712.874	3.742.712.874	6.748.126.563	6.748.126.563
Công ty Cổ phần Kinh doanh LPG Việt Nam - CN Miền Nam	1.106.482.971	1.106.482.971	3.219.149.762	3.219.149.762
Công ty Cổ phần Nội Thương Bắc	3.018.877.324	3.018.877.324	8.598.859.680	8.598.859.680
Các đối tượng khác	4.964.837.096	4.964.837.096	5.079.376.554	5.079.376.554
Cộng	38.852.662.109	38.852.662.109	55.220.786.555	55.220.786.555

17. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
	VND	VND
Công ty Cổ phần Công nghiệp Chính xác Việt Nam (VPIC)	1.305.273.049	1.120.000.000
Công ty Cổ phần Tập đoàn FLC	108.699.539	108.699.539
Tổng Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Thương mại Việt Nam	712.600.000	712.600.000
Các đối tượng khác	72.926.422	70.942.880
Cộng	2.199.499.010	2.012.242.419

18. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số đầu kỳ	Số phải nộp trong kỳ	Số đã thực nộp trong kỳ	Số cuối kỳ
	VND	VND	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	36.850.143	160.175.576	156.367.522	40.658.197
Thuế thu nhập cá nhân	54.209.708	54.380.639	99.719.533	8.870.814
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	6.776.871	6.776.871	-
Cộng	91.059.851	221.333.086	262.863.926	49.529.011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo

19. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu kỳ</u>
	VND	VND
Chi phí lãi vay	5.271.821.678	4.619.691.455
Các khoản chi phí phải trả khác	2.202.193.445	202.036.860
Cộng	<u>7.474.015.123</u>	<u>4.821.728.315</u>

20. DOANH THU CHƯA THỰC HIỆN NGẮN HẠN

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu kỳ</u>
	VND	VND
Doanh thu bán IC Card	163.711.618	192.464.119
	<u>163.711.618</u>	<u>192.464.119</u>

21. PHẢI TRẢ KHÁC

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu kỳ</u>
	VND	VND
<i>a) Phải trả ngắn hạn khác</i>	<u>2.328.658.764</u>	<u>2.090.936.867</u>
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	-	1.147.529.200
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	653.208.027	653.208.027
Kinh phí công đoàn, bảo hiểm xã hội	70.741.391	71.209.325
Các khoản khác	1.604.709.346	218.990.315
	<u>616.382.963</u>	<u>563.982.963</u>
<i>b) Phải trả dài hạn khác</i>	616.382.963	563.982.963
Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	616.382.963	563.982.963
Cộng	<u>2.945.041.727</u>	<u>2.654.919.830</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN GAS ĐÓ THỊ

Tầng 4, số 167 Trung Kính, Phường Yên Hoà,
Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội.

MÃ SỐ B 09a - DN/HN

Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo

22. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH

	Số cuối kỳ		Trong kỳ		Số đầu kỳ	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
<i>Vay dài hạn đến hạn trả</i>						
Công ty TNHH Đầu tư Quốc tế Tập đoàn ENN	17.337.500.000	17.337.500.000	14.600.000	-	17.322.900.000	17.322.900.000
Cộng	17.337.500.000	17.337.500.000	14.600.000	-	17.322.900.000	17.322.900.000

Khoản vay từ Công ty TNHH Đầu tư Quốc tế Tập đoàn ENN theo Hợp đồng vay ngày 01 tháng 7 năm 2019 và Phụ lục hợp đồng số 04 ngày 01 tháng 8 năm 2021 nhằm bổ sung vốn lưu động với số tiền 730.000 USD, lãi suất một năm bằng lãi suất VNIBOR 12 tháng cộng 2,5%. Lãi phạt chậm trả bằng lãi suất một năm cộng 5%. Hạn thanh toán toàn bộ gốc và lãi được gia hạn đến ngày 01 tháng 8 năm 2023.

23. VỐN CHỦ SỞ HỮU**a) Tình hình biến động Vốn chủ sở hữu trong kỳ**

	Vốn góp của chủ sở hữu		Thặng dư vốn cổ phần		Quỹ đầu tư phát triển		Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		LNST chưa phân phối		Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	
Số dư đầu năm trước (Lỗ) trong năm	188.700.000.000	15.480.000.000	-	-	2.596.615.372	337.031.314	337.031.314	(40.668.546.158)	166.445.100.528	(756.078.975)	166.445.100.528
Thù lao HĐQT và BKS	-	-	-	-	-	-	-	(168.000.000)	(168.000.000)	(168.000.000)	(168.000.000)
Số dư đầu kỳ này (Lỗ) trong kỳ	188.700.000.000	15.480.000.000	-	-	2.596.615.372	337.031.314	337.031.314	(41.592.625.133)	165.521.021.553	(696.887.388)	165.521.021.553
Thù lao HĐQT và BKS (i)	-	-	-	-	-	-	-	(54.000.000)	(54.000.000)	(54.000.000)	(54.000.000)
Số dư cuối kỳ này	188.700.000.000	15.480.000.000	-	-	2.596.615.372	337.031.314	337.031.314	(42.343.512.521)	164.770.134.165	(696.887.388)	164.770.134.165

Ghi chú:

(i) Theo Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên số 01/NQ-DHDCĐ ngày 04 tháng 5 năm 2023, Công ty đã trích thù lao Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát năm 2023 với số tiền là 54.000.000 VND.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo

23. VỐN CHỦ SỞ HỮU (TIẾP THEO)

b) Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

Theo Giấy Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 20 ngày 02 tháng 8 năm 2023, vốn điều lệ của Công ty là 36.000.000.000 VND. Tại ngày 30 tháng 6 năm 2023, vốn điều lệ đã được các cổ đông góp đủ như sau:

Cổ đông	Số cuối kỳ		Số đầu kỳ	
	VND	Tỷ lệ	VND	Tỷ lệ
Công ty TNHH Đầu tư Việt Tú	-	0,0%	28.000.000.000	14,8%
Bà Nguyễn Thanh Tú	42.917.000.000	22,7%	14.917.000.000	7,9%
Bà Thái Thị Duyên Hải	27.717.000.000	14,7%	27.717.000.000	14,7%
Ông Zhu Zhilin	47.000.000.000	24,9%	47.000.000.000	24,9%
Ông Cheng Qing Huang	17.148.000.000	9,1%	17.148.000.000	9,1%
Prism Energy International Hong Kong Limited	9.435.000.000	5,0%	9.435.000.000	5,0%
Các đối tượng khác	44.483.000.000	23,6%	44.483.000.000	23,6%
Cộng	188.700.000.000	100%	188.700.000.000	100%

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Kỳ này	Kỳ trước
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
- Vốn góp đầu kỳ	188.700.000.000	188.700.000.000
- Vốn góp tăng trong kỳ	-	-
- Vốn góp giảm trong kỳ	-	-
- Vốn góp cuối kỳ	188.700.000.000	188.700.000.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	-	-

d) Cổ phiếu

	Kỳ này	Kỳ trước
	Cổ phiếu	Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	18.870.000	18.870.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	3.600.000	3.600.000
- Cổ phiếu phổ thông	3.600.000	3.600.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	3.600.000	3.600.000
- Cổ phiếu phổ thông	3.600.000	3.600.000
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND/cổ phiếu)	10.000	10.000

24. CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
	VND	VND
Ngoại tệ các loại (USD)	889,62	896,22

25. BÁO CÁO THEO BỘ PHẬN

Hoạt động sản xuất kinh doanh gas dân dụng và công nghiệp tạo ra phần lớn doanh thu và lợi nhuận cho Công ty. Ban Giám đốc tin rằng Công ty hoạt động chủ yếu trong một bộ phận kinh doanh là sản xuất kinh doanh gas dân dụng và công nghiệp. Đồng thời, toàn bộ hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty đều diễn ra tại một khu vực địa lý là lãnh thổ Việt Nam, vì vậy Công ty không trình bày thêm thông tin bộ phận.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo

26. DOANH THU THUẦN VỀ BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Kỳ này	Kỳ trước
	VND	VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	143.284.578.654	215.869.722.735
Doanh thu bán hàng hóa	140.455.578.652	214.636.251.947
Doanh thu hợp đồng xây dựng	2.727.272.728	1.118.706.478
Doanh thu cung cấp dịch vụ	101.727.274	114.764.310
Các khoản giảm trừ doanh thu	7.864.478	-
Chiết khấu thương mại	7.864.478	-
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	143.276.714.176	215.869.722.735

27. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

	Kỳ này	Kỳ trước
	VND	VND
Giá vốn hàng hóa	129.753.869.024	204.727.808.809
Giá vốn hoạt động xây dựng	2.123.227.516	951.742.333
Giá vốn dịch vụ đã cung cấp	-	5.475.785
Cộng	131.877.096.540	205.685.026.927

28. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Kỳ này	Kỳ trước
	VND	VND
Lãi tiền gửi	1.542.095.104	981.412.285
Lãi cho vay	-	725.163.240
Cộng	1.542.095.104	1.706.575.525

29. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Kỳ này	Kỳ trước
	VND	VND
Chi phí lãi vay	621.599.250	612.831.429
Lỗ chênh lệch tỷ giá	15.130.973	405.966.782
Chi phí tài chính khác	30.000.000	32.254.286
Cộng	666.730.223	1.051.052.497

30. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Kỳ này	Kỳ trước
	VND	VND
a) Chi phí bán hàng phát sinh trong kỳ	5.655.508.419	6.239.049.414
Chi phí nhân viên	2.252.524.412	2.690.308.142
Chi phí khấu hao TSCĐ	1.023.186.258	1.029.666.882
Chi phí dịch vụ mua ngoài và bằng tiền khác	2.379.797.749	2.519.074.390
b) Chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong kỳ	6.773.567.619	7.026.259.083
Chi phí nhân viên	2.663.627.897	2.730.511.414
Chi phí khấu hao TSCĐ	136.688.208	136.688.208
Thuế, phí và lệ phí	4.000.000	7.135.307
Chi phí dự phòng	(281.238.770)	1.311.395.971
Chi phí dịch vụ mua ngoài và bằng tiền khác	4.250.490.284	2.840.528.183
Cộng	12.429.076.038	13.265.308.497

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo

31. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Kỳ này	Kỳ trước
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	2.605.893.306	-
Chi phí nhân công	5.288.205.220	5.506.957.334
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.159.874.466	990.845.322
Chi phí dịch vụ mua ngoài và bằng tiền khác	9.117.902.872	5.312.579.418
Cộng	18.171.875.864	11.810.382.074

32. THU NHẬP KHÁC

	Kỳ này	Kỳ trước
	VND	VND
Hoàn nhập chi phí bảo hành	-	96.851.462
Thu nhập khác	225.512	-
Cộng	225.512	96.851.462

33. CHI PHÍ KHÁC

	Kỳ này	Kỳ trước (Trình bày lại)
	VND	VND
Chi phí khấu hao tài sản	59.745.576	-
Chi phí phạt hành chính	56.662.805	75.911.278
Chi phí khác	426.610.998	509.141.463
Cộng	543.019.379	585.052.741

34. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	Kỳ này	Kỳ trước (Trình bày lại)
	VND	VND
Lợi nhuận sau thuế	(696.887.388)	(2.913.290.940)
<i>Điều chỉnh thù lao Hội đồng Quản trị</i>	<i>(54.000.000)</i>	<i>(90.000.000)</i>
Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	(750.887.388)	(3.003.290.940)
Số bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông để tính lãi trên cổ phiếu	18.870.000	18.870.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	(39,79)	(159,16)
Mệnh giá trên mỗi cổ phiếu	10.000	10.000

35. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Thu nhập của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Giám đốc:

		Kỳ này	Kỳ trước
		VND	VND
Hội đồng Quản trị	Chức vụ	78.947.000	231.750.000
Bà Nguyễn Thanh Tú	Chủ tịch (Bổ nhiệm từ ngày 26/4/2023)	30.375.000	195.750.000
Ông Cheung YipSang	Chủ tịch (Miễn nhiệm từ ngày 26/4/2023)	8.000.000	12.000.000
Ông Giang Nhượng Tri	Thành viên	8.000.000	12.000.000
Ông Youn Kwon Seok	Thành viên (Miễn nhiệm từ ngày 26/4/2023)	8.000.000	12.000.000
Ông Yang XiaoDong	Thành viên (Bổ nhiệm từ ngày 26/4/2023)	24.572.000	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo

35. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (TIẾP THEO)

Thu nhập của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Giám đốc (Tiếp theo):

		Kỳ này	Kỳ trước
		VND	VND
Ban Giám đốc		296.963.045	353.175.680
Ông Huang Hong Jian	Giám đốc (Bổ nhiệm từ ngày 26/4/2023)	40.312.045	-
Ông Zhu Zhilin	Giám đốc (Miễn nhiệm từ ngày 26/4/2023)	137.852.800	185.273.920
Ông Wu Zhijun	Phó Giám đốc (Miễn nhiệm từ ngày 20/7/2023)	118.798.200	167.901.760
Ban Kiểm soát		8.000.000	30.000.000

36. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ là số liệu được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022.

Số liệu so sánh của Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ là số liệu được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2022 đến ngày 30 tháng 6 năm 2022 đã được soát xét.

Các số liệu so sánh này đã được kiểm toán và soát xét bởi một Công ty kiểm toán độc lập khác. Một số số liệu đã được trình bày lại cho phù hợp với số liệu kỳ này. Cụ thể như sau:

Đơn vị: VND

Nội dung	Mã số	Số đã báo cáo	Điều chỉnh	Số sau điều chỉnh
Chỉ tiêu trên Bảng cân đối kế toán				
Chi phí trả trước dài hạn	261	58.491.614.067	(2.701.869.654)	55.789.744.413
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	(38.890.755.479)	(2.701.869.654)	(41.592.625.133)
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a	(38.819.898.500)	(1.848.647.658)	(40.668.546.158)
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b	(70.856.979)	(853.221.996)	(924.078.975)
Chỉ tiêu trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh				
Chi phí khác	32	158.441.743	426.610.998	585.052.741
Lợi nhuận/(lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60	(2.486.679.942)	(426.610.998)	(2.913.290.940)
Lợi nhuận sau thuế của Công ty mẹ	61	(2.486.679.942)	(426.610.998)	(2.913.290.940)
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	(136,55)	(22,61)	(159,16)

Công ty thực hiện phân bổ tiền thuê lại quyền sử dụng đất và nhận chuyển nhượng cơ sở hạ tầng gắn liền trên đất tại Khu công nghiệp Phú Vinh thuộc Khu kinh tế Vũng Áng.



Huang Hong Jian
Giám đốc
Hà Nội, ngày 29 tháng 8 năm 2023

Nguyễn Trúc Lâm
Kế toán trưởng

Văn Thị Tú Trâm
Người lập biểu